

BẢN TIN PHÁP LUẬT

08/2021

CÔNG VĂN SỐ
02/TANDTC-PC CỦA
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI
CAO CÓ HIỆU LỰC KỂ
TỪ NGÀY 02/08/2021
GIẢI ĐÁP MỘT SỐ
VƯỚNG MẮC KHI XÉT
XỬ CÁC VỤ ÁN DÂN SỰ

PHÁT HÀNH BỞI LAC DUY & ASSOCIATES
LIÊN HỆ CHÚNG TÔI

🌐: <http://lacduy-associates.com>

✉: lacduy@lacduy-associates.com

☎: +84917275572/+842836221603



LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT

08/2021

Quý khách hàng thân mến,

Lac Duy & Associates trân trọng được gửi tới quý khách hàng Bản tin pháp luật của tháng 08 năm 2021 với một số điểm tin và bài viết đáng chú ý như sau:

- Công văn số 02/TANDTC-PC của Tòa án Nhân dân tối cao có hiệu lực kể từ ngày 02/08/2021 giải đáp một số vướng mắc khi xét xử các vụ án dân sự
- Cập nhật văn bản pháp luật Tháng 08/2021

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/TANDTC-PC
V/v giải đáp một số
vướng mắc trong xét xử

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2021

Kính gửi:

- Các Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự;
- Các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao.

Qua công tác tổng kết thực tiễn xét xử, Tòa án nhân dân tối cao nhận được phản ánh của các Tòa án về một số vướng mắc khi giải quyết các vụ án hình sự, dân sự. Để bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật, Tòa án nhân dân tối cao có ý kiến như sau:

I. VỀ HÌNH SỰ

<http://lacduy-associates.com>

lacduy@lacduy-associates.com

+84917275572/+842836221603



LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT

08/2021

CÔNG VĂN SỐ 02/TANDTC-PC CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO CÓ HIỆU LỰC KÈ TỪ NGÀY 02/08/2021 GIẢI ĐÁP MỘT SỐ VƯỚNG MẮC KHI XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN DÂN SỰ

Qua công tác tổng kết thực tiễn xét xử, Tòa án nhân dân tối cao nhận được phản ánh của các Tòa án về một số vướng mắc khi giải quyết các vụ án dân sự. Để đảm bảo áp dụng thống nhất pháp luật, ngày 02 tháng 08 năm 2021, Tòa án nhân dân tối cao ban hành Công văn số 02/TANDTC-PC gửi các Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự, các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao giải đáp một số vướng mắc trong xét xử. Đây được xem là văn bản rất cần thiết để các cấp Tòa án nghiên cứu, vận dụng vào thực tiễn xét xử một cách kịp thời, hiệu quả, cụ thể như sau:

1. Về giao dịch dân sự vô hiệu

1.1. Ông A làm giả chữ ký của bà B để chuyển nhượng nhà đất thuộc quyền sở hữu của hai vợ chồng cho C. Sau khi nhận chuyển nhượng, C dùng tài sản này để thế chấp khoản vay tại Ngân hàng. Vậy, giao dịch thế chấp tại Ngân hàng có bị vô hiệu không? Nếu vô hiệu thì có trái với mục 1 Phần II của Công văn số 64/TANDTC-PC không?



<http://lacduy-associates.com>

lacduy@lacduy-associates.com

+84917275572/+842836221603



LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT

08/2021

Điều 123 Bộ luật Dân sự 2015 quy định như sau:

“Giao dịch dân sự có mục đích, nội dung vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội thì vô hiệu. Điều cấm của luật là những quy định của luật không cho phép chủ thể thực hiện những hành vi nhất định.

Đạo đức xã hội là những chuẩn mực ứng xử chung trong đời sống xã hội, được cộng đồng thừa nhận và tôn trọng”.

Trong trường hợp trên, ông A làm giả chữ ký của bà B để chuyển nhượng nhà đất cho C mà không được sự đồng ý của bà B. Đây là hành vi trái với chuẩn mực ứng xử chung trong đời sống xã hội. Mặt khác, ông A và bà B là vợ chồng, hành vi làm giả chữ ký của ông A đồng thời trái với nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình. **Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 123 Bộ luật Dân sự 2015 giao dịch chuyển nhượng nhà đất giữa ông A và C vô hiệu.**

Điều 133.2 Bộ luật Dân sự 2015 quy định:


“2. Trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu nhưng tài sản đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sau đó được chuyển giao bằng một giao dịch dân sự khác cho người thứ ba ngay tình và người này căn cứ vào việc đăng ký đó mà xác lập, thực hiện giao dịch thì giao dịch đó không bị vô hiệu”.

Sau khi nhận chuyển nhượng, C dùng tài sản này thế chấp khoản vay tại Ngân hàng nhưng khi ký hợp đồng thế chấp tài sản, Ngân hàng không thẩm định, xác minh nên không biết ông A và bà B vẫn quản lý, sử dụng nhà đất hoặc Ngân hàng đã tiến hành thẩm định nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông A và bà B biết việc thế chấp tài sản này. Trong trường hợp này, **bên nhận thế chấp tài sản (Ngân hàng) không phải là người thứ ba ngay tình theo quy định tại Điều 133.2 Bộ luật Dân sự 2015 và mục 1 Phần II của Công văn số 64/TANDTC-PC.** Do đó, hợp đồng thế chấp tài sản giữa C và Ngân hàng cũng vô hiệu.

1.2. Theo Công văn số 64/TANDTC-PC thì trường hợp giao dịch chuyển nhượng nhà đất bị vô hiệu nhưng bên nhận chuyển nhượng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng

 <http://lacduy-associates.com>

 lacduy@lacduy-associates.com

 +84917275572/+842836221603



LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT

08/2021

đất và đã thế chấp nhà, quyền sử dụng đất đó cho Ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật, căn cứ Điều 133 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì giao dịch thế chấp đó không vô hiệu. Như vậy, hướng dẫn này có áp dụng đối với các giao dịch thế chấp phát sinh trước ngày 01-01-2017 mà nay có tranh chấp không?



Đối với nội dung trên, theo Tòa án nhân dân tối cao, Điều 156.1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định: *“Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trong trường hợp quy định của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó”*.

Như vậy, về nguyên tắc chung, hành vi xảy ra ở thời điểm nào thì áp dụng pháp luật ở thời điểm đó. Khi văn bản quy phạm pháp luật cụ thể có quy định khác, như quy định có hiệu lực trở về trước (hồi tố) thì mới được áp dụng khác với nguyên tắc chung nêu trên.

Căn cứ quy định nêu trên, **hướng dẫn tại phần 1 mục I của Công văn số 64/TANDTC-PC được áp**

<http://lacduy-associates.com>

lacduy@lacduy-associates.com

+84917275572/+842836221603



LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT

08/2021

dụng đối với các giao dịch dân sự được thực hiện kể từ ngày 01-01-2017 mà không áp dụng đối với các giao dịch dân sự được thực hiện trước ngày 01-01-2017.

2. Về thời hiệu khởi kiện

Ông A vay Ngân hàng 01 tỷ đồng, thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày 02-01-2017 với lãi suất 2% tháng. Sau thời hạn 01 tháng ông A không trả được nợ gốc và lãi. Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày 03-02-2017 đến ngày 03-02-2020, Ngân hàng không khởi kiện yêu cầu ông A trả nợ. Đến nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông A trả nợ thì ông A có được quyền yêu cầu áp dụng quy định về thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc hay không?

Để giải đáp vướng mắc trên, Tòa án nhân dân tối cao căn cứ theo quy định tại Điều 429 và Điều 155.2 Bộ luật Dân sự 2015, cụ thể:

Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “*Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm*”.

Căn cứ theo quy định trên thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và ông A đã hết.

Tuy nhiên, Điều 155.2 Bộ luật Dân sự 2015 quy định không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp “*yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác*”. **Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và ông A là tranh chấp về quyền sở hữu, đòi lại tài sản. Do đó, thời hiệu khởi kiện không được áp dụng trong trường hợp này.** Ngân hàng có thể khởi kiện ông A yêu cầu đòi lại tài sản (nợ gốc) và Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án mà không phụ thuộc vào việc các bên có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc hay không.

3. Về việc ra quyết định đình chỉ vụ án của Tòa án

<http://lacduy-associates.com>

lacduy@lacduy-associates.com

+84917275572/+842836221603



BẢN TIN PHÁP LUẬT

08/2021

LAC DUY & ASSOCIATES

3.1. Ông A phải thi hành án trả cho ông C số tiền là 500 triệu đồng, ông A không tự nguyện thi hành án. Cơ quan thi hành án xác định vợ chồng ông A có tài sản là quyền sử dụng 156m² đất cùng tài sản gắn liền trên đất, nhưng chưa làm các thủ tục thông báo theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự, chưa cưỡng chế thi hành án đối với ông A. Ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của ông A trong khối tài sản chung. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện H ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án với lý do ông C chưa đủ điều kiện khởi kiện. Vậy, quyết định đình chỉ này của Tòa án nhân dân huyện H có đúng không?



Điều 7 khoản 1 Điều 7 của Luật Thi hành án dân sự quy định người được thi hành án dân sự có quyền: “*Khởi kiện dân sự để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong trường hợp có tranh chấp về tài sản liên quan đến thi hành án*”.

Khoản 1 Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự quy định:

“*Trường hợp chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải*

<http://lacduy-associates.com>

lacduy@lacduy-associates.com

+84917275572/+842836221603



LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT

08/2021

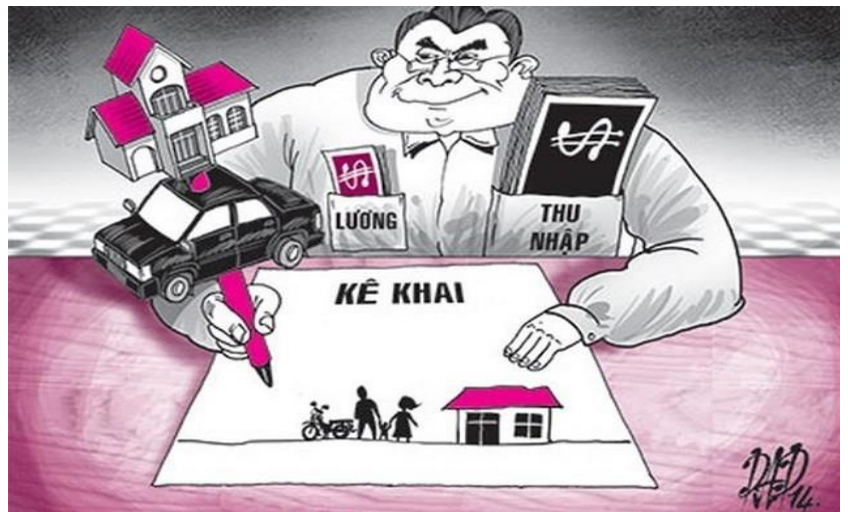
thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án thì Chấp hành viên phải thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà các bên không có thỏa thuận hoặc thỏa thuận vi phạm quy định tại Điều 6 của Luật này hoặc thỏa thuận không được và không yêu cầu Tòa án giải quyết thì Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự...”

Khoản 12 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định:

“Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự” là một trong những tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Như vậy, người được thi hành án có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung khi và chỉ khi cơ quan thi hành án dân sự đã thực hiện các thủ tục theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự. Trong trường hợp trên, cơ quan thi hành án dân sự mới chỉ xác định vợ chồng ông A có tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất diện tích 156m² cùng tài sản gắn liền trên đất, chưa làm các thủ tục thông báo theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự mà ông C đã khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung. Do đó, ông C chưa đủ điều kiện khởi kiện và Tòa án nhân huyện H ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự là có căn cứ.



<http://lacduy-associates.com>

lacduy@lacduy-associates.com

+84917275572/+842836221603



BẢN TIN PHÁP LUẬT

08/2021

LAC DUY & ASSOCIATES

3.2. Người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì Tòa án có phải yêu cầu bổ sung văn bản xác minh nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mới thụ lý vụ án không? Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không thể tổng đạt được văn bản tố tụng cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ ghi trong giao dịch, hợp đồng do nguyên đơn cung cấp. Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương thì bị đơn đã đi khỏi nơi cư trú 06 tháng trước. Trong trường hợp này, Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hay tiếp tục giải quyết vụ án?

Điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.*”


Điểm a khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án (“**Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP**”) quy định:

“*Địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được xác định như sau: *Nếu người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn còn quốc tịch Việt Nam trở về Việt Nam sinh sống thì nơi cư trú của họ là địa chỉ chỗ ở hợp pháp mà người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thường trú hoặc tạm trú hoặc đang sinh sống theo quy định của Luật cư trú*”.

Khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP quy định:

 <http://lacduy-associates.com>

 lacduy@lacduy-associates.com

 +84917275572/+842836221603



LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT

08/2021

“Người khởi kiện đã cung cấp địa chỉ “nơi cư trú, làm việc, hoặc nơi có trụ sở” của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này tại thời điểm nộp đơn khởi kiện mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh rằng đó là địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015”.

Khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP quy định:

“Trường hợp trong đơn khởi kiện người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo hướng dẫn tại Điều 5 Nghị quyết này thì Tòa án phải nhận đơn khởi kiện và xem xét thụ lý vụ án theo thủ tục chung”.


Căn cứ các quy định trên thì Tòa án phải thụ lý vụ án mà không được yêu cầu người khởi kiện phải cung cấp bổ sung văn bản xác minh nơi cư trú của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khi người khởi kiện đã ghi đúng, đầy đủ địa chỉ của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ ghi trong giao dịch, hợp đồng.

Trường hợp sau khi thụ lý vụ án mà không tổng đạt được văn bản tố tụng, sau khi xác minh tại địa phương thì họ đã đi khỏi nơi cư trú 6 tháng trước. Đây được xác định là trường hợp người bị kiện, người có quyền, nghĩa vụ liên quan giấu địa chỉ. Tòa án căn cứ quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP để tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung và không ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

4. Về thẩm quyền của Tòa án

4.1. Theo Công văn số 141/TANDTC-KHXX ngày 21-9-2011 của Tòa án nhân dân tối cao về thẩm quyền giải quyết các yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là giấy tờ có giá, nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc người chiếm giữ trả lại các giấy tờ này thì Tòa án không thụ lý giải quyết. Tuy nhiên, theo quy định tại

 <http://lacduy-associates.com>

 lacduy@lacduy-associates.com

 +84917275572/+842836221603



LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT

08/2021

Khoản 2 Điều 4 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì “Tòa án không được từ chối giải quyết vụ việc dân sự vì lý do chưa có điều luật áp dụng”. Vậy, Tòa án có được thụ lý giải quyết các trường hợp này không?



Khoản 8 Điều 6 của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010 quy định:

“Giấy tờ có giá là bằng chứng xác nhận nghĩa vụ trả nợ giữa tổ chức phát hành giấy tờ có giá với người sở hữu giấy tờ có giá trong một thời hạn nhất định, điều kiện trả lãi và các điều kiện khác”.

Luật Các công cụ chuyển nhượng năm 2005 quy định giấy tờ có giá là: Hối phiếu đòi nợ, hối phiếu nhận nợ, séc.

Khoản 16 Điều 3 của Luật Đất đai năm 2013 quy định:

“Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất”.

<http://lacduy-associates.com>

lacduy@lacduy-associates.com

+84917275572/+842836221603



LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT

08/2021

Mục 1 Phần I Công văn số 02/GĐ-TANDTC ngày 19-9-2016 của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp một số vấn đề về tố tụng hành chính, tố tụng dân sự hướng dẫn:

“Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là quyết định hành chính; nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính”.

Căn cứ vào các quy định nêu trên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là quyết định hành chính, không phải là “bằng chứng xác nhận nghĩa vụ trả nợ” cho nên không phải là giấy tờ có giá. Vì vậy, hướng dẫn tại Công văn số 141/TANDTC-KHXX xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là giấy tờ có giá vẫn phù hợp với Bộ luật Dân sự năm 2015 và các pháp luật khác đang có hiệu lực.

Bên cạnh đó, Điều 164 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người có hành vi xâm phạm quyền phải trả lại tài sản, chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại.”

Căn cứ theo quy định này, nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc người chiếm giữ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chấm dứt hành vi cản trở thực hiện quyền của người sử dụng đất thì Tòa án nhân dân sẽ thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4.2. Cụ D, cụ E có hai người con là ông A, bà B. Ông A sinh sống cùng cụ D, cụ E trên diện tích đất do các cụ tạo lập nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi Nhà nước có chủ trương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 1993, ông A đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện X cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; khi đó cụ D, cụ E còn sống không có ý kiến phản đối. Sau khi cụ D, cụ E chết, bà B khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của hai cụ. Vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện hay Tòa án nhân dân cấp tỉnh?

<http://lacduy-associates.com>

lacduy@lacduy-associates.com

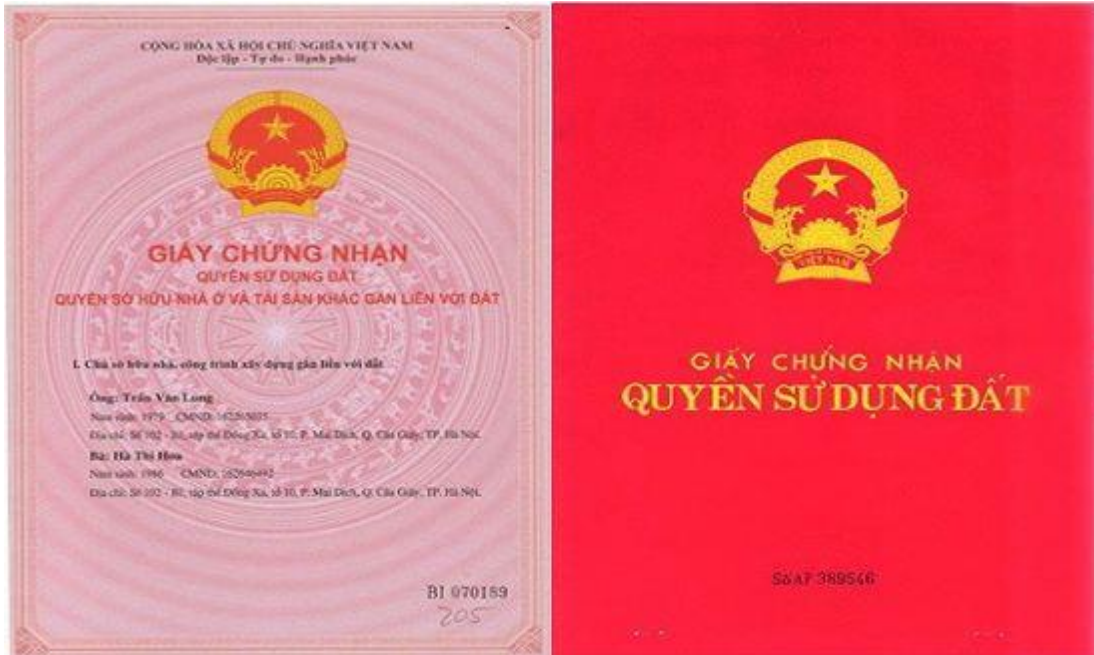
+84917275572/+842836221603



LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT

08/2021



Khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định những tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, trong đó có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về thừa kế tài sản.

Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định:

“1. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp sau đây:

- a) Tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 26 và Điều 28 của Bộ luật này, trừ tranh chấp quy định tại khoản 7 Điều 26 của Bộ luật này;*
- b) Tranh chấp về kinh doanh, thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật này;*
- c) Tranh chấp về lao động quy định tại Điều 32 của Bộ luật này”.*

<http://lacduy-associates.com>

lacduy@lacduy-associates.com

+84917275572/+842836221603



LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT

08/2021

Căn cứ vào các quy định nêu trên, trường hợp đương sự khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, không yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định:

“1. Khi giải quyết vụ việc dân sự, Tòa án có quyền hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự mà Tòa án có nhiệm vụ giải quyết.

2. Quyết định cá biệt quy định tại khoản 1 Điều này là quyết định đã được ban hành về một vấn đề cụ thể và được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể. Trường hợp vụ việc dân sự có liên quan đến quyết định này thì phải được Tòa án xem xét trong cùng một vụ việc dân sự đó.

3. Khi xem xét hủy quyết định quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án phải đưa cơ quan, tổ chức hoặc người có thẩm quyền đã ban hành quyết định tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền đã ban hành quyết định phải tham gia tố tụng và trình bày ý kiến của mình về quyết định cá biệt bị Tòa án xem xét hủy.

4. Thẩm quyền của cấp Tòa án giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp có xem xét việc hủy quyết định cá biệt quy định tại khoản 1 Điều này được xác định theo quy định tương ứng của Luật tố tụng hành chính về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp tỉnh”.

Khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính quy định Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết:

“Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trên cùng phạm vi địa giới hành chính với Tòa án”.

 <http://lacduy-associates.com>

 lacduy@lacduy-associates.com

 +84917275572/+842836221603



LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT

08/2021

Căn cứ vào các quy định nêu trên, trường hợp đương sự yêu cầu chia di sản thừa kế đồng thời yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

5. Về việc triệu tập đương sự của Tòa án

Trong quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng mua bán tài sản, thế chấp tài sản... Tòa án có phải đưa tổ chức hành nghề công chứng hợp đồng vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không?

Theo quy định tại điểm d và điểm g khoản 2 Điều 17 của Luật Công chứng sửa đổi năm 2018 thì Công chứng viên có nghĩa vụ giải thích cho người yêu cầu công chứng hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của họ, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc công chứng; trường hợp từ chối yêu cầu công chứng thì phải giải thích rõ lý do cho người yêu cầu công chứng và chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước người yêu cầu công chứng về văn bản công chứng của mình.

Điều 38 của Luật Công chứng sửa đổi năm 2018 quy định:

“1. Tổ chức hành nghề công chứng phải bồi thường thiệt hại cho người yêu cầu công chứng và cá nhân, tổ chức khác do lỗi mà công chứng viên, nhân viên hoặc người phiên dịch là cộng tác viên của tổ chức mình gây ra trong quá trình công chứng.

2. Công chứng viên, nhân viên hoặc người phiên dịch là cộng tác viên gây thiệt hại phải hoàn trả lại một khoản tiền cho tổ chức hành nghề công chứng đã chi trả khoản tiền bồi thường cho người bị thiệt hại theo quy định của pháp luật; trường hợp không hoàn trả thì tổ chức hành nghề công chứng có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết”.

Khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định:

“Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự là người tuy không khởi kiện, không bị

 <http://lacduy-associates.com>

 lacduy@lacduy-associates.com

 +84917275572/+842836221603



LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT

08/2021

kiện, nhưng việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ nên họ được tự mình đề nghị hoặc các đương sự khác đề nghị và được Tòa án chấp nhận đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Trường hợp việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của một người nào đó mà không có ai đề nghị đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì Tòa án phải đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”.

Như vậy, căn cứ các quy định nêu trên, tùy từng trường hợp mà Tòa án xem xét có đưa tổ chức hành nghề công chứng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đối với trường hợp việc giải quyết tranh chấp hợp đồng có liên quan đến nghĩa vụ giải thích của Công chứng viên theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 17 của Luật Công chứng sửa đổi năm 2018, trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người yêu cầu công chứng của tổ chức hành nghề công chứng thì Tòa án xem xét đưa tổ chức hành nghề công chứng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

6. Về quyền khởi kiện lại vụ án của nguyên đơn

Trong quá trình giải quyết vụ án dân sự, nguyên đơn không nộp tiền chi phí định giá theo điểm d khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Vậy, trong trường hợp này nguyên đơn có quyền khởi kiện lại vụ án như trường hợp người khởi kiện rút đơn khởi kiện hay không?

Điểm d khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định:

“Sau khi thụ lý vụ án thuộc thẩm quyền của mình, Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự trong các trường hợp sau đây:

...đ) Nguyên đơn không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác theo quy định của Bộ luật này...”

<http://lacduy-associates.com>

lacduy@lacduy-associates.com

+84917275572/+842836221603



LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT

08/2021

Khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định:

“Khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật này và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật...”

Như vậy, trường hợp Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự vì lý do “Nguyên đơn không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác” thì nguyên đơn không có quyền khởi kiện lại để yêu cầu Tòa giải quyết tiếp vụ án như đối với trường hợp rút đơn khởi kiện.



<http://lacduy-associates.com>

lacduy@lacduy-associates.com

+84917275572/+842836221603



LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT

08/2021

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THÁNG 08/2021

SỐ	NGÀY HIỆU LỰC	TÊN VĂN BẢN
DOANH NGHIỆP – TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC		
1.	03/08/2021	Công văn 1063/GSQL-GQ3 năm 2021 thực hiện công khai Danh sách các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế do Cục Giám sát quản lý Hải quan ban hành
2.	13/08/2021	Nghị quyết 16/NQ-HĐND về hỗ trợ tiền sử dụng nước sạch sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hà Nội năm 2021 trong điều kiện bị ảnh hưởng do đại dịch COVID-19
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN		
3.	10/08/2021	Công văn 3363/BGDĐT-GDDH năm 2021 hướng dẫn sử dụng phần mềm hỗ trợ tuyển sinh ngành sư phạm do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành
GIAO THÔNG – VẬN TẢI		
4.	12/08/2021	Công văn 8307/BGTVT-VT năm 2021 về tạo điều kiện vận chuyển vắc-xin, vật tư, thiết bị phục vụ tiêm chủng phòng Covid-19 do Bộ Giao thông vận tải ban hành
THƯƠNG MẠI		
5.	11/08/2021	Công văn 4843/BCT-TTTN năm 2021 về điều hành kinh doanh xăng dầu do Bộ Công thương ban hành
TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ, VĂN HÓA – XÃ HỘI		
6.	16/08/2021	Kế hoạch 2725/KH-UBND về hoạt động công tác Dân số năm 2021 tại thành phố Hồ Chí Minh

<http://lacduy-associates.com>

lacduy@lacduy-associates.com

+84917275572/+842836221603



LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT

08/2021

TÀI NGUYÊN – MÔI TRƯỜNG		
7.	18/08/2021	Công văn 5687/VPCP-KGVX năm 2021 về quản lý, xử lý chất thải y tế trong công tác phòng, chống dịch do Văn phòng Chính phủ ban hành
THỂ THAO – Y TẾ		
8.	21/08/2021	Công văn 8675/BGTVT-VT năm 2021 về phối hợp kiểm soát dịch Covid-19 trong địa bàn các tỉnh, thành phố do Bộ Giao thông vận tải ban hành
9.	21/08/2021	Quyết định 4042/QĐ-BYT năm 2021 hướng dẫn tạm thời mô hình trạm y tế lưu động trong bối cảnh dịch COVID-19 do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành
THỦ TỤC TỔ TỤNG		
10.	13/08/2021	Công văn 136/TANDTC-PC năm 2021 về tăng cường hơn nữa công tác phát triển, áp dụng án lệ trong Tòa án nhân dân do Tòa án nhân dân tối cao ban hành

<http://lacduy-associates.com>

lacduy@lacduy-associates.com

+84917275572/+842836221603